

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20/2026/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về số lượng, chức danh và chế độ, chính sách
đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động
ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ cho hoạt động của thôn, tổ dân phố
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát,
hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi
Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức, hoạt
động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không
chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 192/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định một số chế
độ phụ cấp đặc thù trong lĩnh vực y tế; hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế
thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản;

Xét Tờ trình số 117/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị quy định về số lượng, chức danh và chế độ, chính
sách đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động
ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ cho hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn
tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số 1147/BC-PC ngày 15 tháng 7 năm 2026
của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định về số lượng, chức danh
và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và người

tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ cho hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ cho hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
2. Các thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
3. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong tổ chức thực hiện.

Điều 3. Số lượng, chức danh, mức phụ cấp, mức hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, gồm: Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng Ban Công tác mặt trận; số lượng không quá 03 người.

2. Chức danh, số lượng người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, gồm:

a) Phó Trưởng thôn hoặc Tổ phó tổ dân phố, số lượng không quá 03 người, như sau: Thôn, tổ dân phố có quy mô số hộ gia đình đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là tiêu chuẩn) đến dưới 02 lần tiêu chuẩn: 01 người; có quy mô số hộ gia đình đạt từ 02 lần đến dưới 03 lần tiêu chuẩn: 02 người; có quy mô số hộ gia đình đạt từ 03 lần tiêu chuẩn trở lên: 03 người. Riêng thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, có quy mô từ 100 hộ gia đình đến dưới tiêu chuẩn, được hình thành do sắp xếp từ 02 thôn cũ trở lên và khoảng cách giữa các thôn cũ trước khi sắp xếp từ 05 km trở lên: 01 người. Ủy ban nhân dân cấp xã xác định cụ thể và chịu trách nhiệm về việc xác định các tiêu chí nêu trên để bố trí số lượng Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố.

b) Thôn đội trưởng hoặc Tổ đội trưởng, Bí thư Chi đoàn Thanh niên, Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ, Chi hội trưởng Chi hội Nông dân, Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh; số lượng không quá 05 người.

c) Cô đỡ thôn, bản: 01 người ở các thôn, bản đặc biệt khó khăn.

3. Về chế độ, chính sách:

a) Đối với chức danh người hoạt động không chuyên trách:

TT	Chức danh	Phụ cấp theo mức lương cơ sở (hệ số/người/tháng, bao gồm cả hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế)	
		Thôn, tổ dân phố nhóm 1	Thôn, tổ dân phố nhóm 2
1	Bí thư Chi bộ	2,34	2,24
2	Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố	2,34	2,24
3	Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,10	2,00

b) Đối với chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố:

TT	Chức danh	Phụ cấp theo mức lương cơ sở (hệ số/người/tháng)	
		Thôn, tổ dân phố nhóm 1	Thôn, tổ dân phố nhóm 2
1	Phó Trưởng thôn hoặc Tổ phó tổ dân phố	1,50	1,40
2	Thôn đội trưởng hoặc Tổ đội trưởng	1,10	1,05
3	Cô đỡ thôn, bản	0,80	0,00
4	Bí thư Chi đoàn Thanh niên	0,30	0,25
5	Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ	0,30	0,25
6	Chi hội trưởng Chi hội Nông dân	0,30	0,25
7	Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh	0,30	0,25

(Có Phụ lục kèm theo)

4. Về mức phụ cấp kiêm nhiệm:

a) Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố khác được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm.

b) Chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố khác được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm.

c) Không bố trí người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố. Mỗi chức danh chỉ được bố trí kiêm nhiệm 01 chức danh khác.

5. Mức hỗ trợ cho hoạt động của thôn, tổ dân phố và hoạt động của 05 tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố (gồm: Ban Công tác Mặt trận, Chi đoàn Thanh niên, các Chi hội: Phụ nữ, Cựu chiến binh, Nông dân): 25 triệu đồng/năm.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 7 năm 2026.

2. Bãi bỏ các quy định liên quan đến số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; quy định về hỗ trợ cho hoạt động của thôn, tổ dân phố và hỗ trợ cho hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội quy định tại Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XIX, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2026.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh;
- Cổng TT của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo và PTTH Thanh Hóa;
- Lưu: VT, PC.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Phong



Phụ lục

QUY ĐỊNH THÔN, TỔ DÂN PHỐ NHÓM 1, NHÓM 2

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

1. Thôn, tổ dân phố nhóm 1: Thôn có từ 700 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 1.000 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới, hải đảo, thôn đặc biệt khó khăn.

2. Thôn, tổ dân phố nhóm 2: Thôn, tổ dân phố còn lại.